

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10-6-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Tuấn

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nguyệt Minh - Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Tạ Văn N, sinh năm 1994; nơi ĐKTT: Thôn V, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: H, G, Hàn Quốc; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1996; nơi ĐKTT: Thôn Q, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: H, G, Hàn Quốc; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2025, các lời khai gửi đến Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Tạ Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Lan A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Đ tại Hàn Quốc vào ngày 04/7/2022. Sau khi kết hôn, anh và chị Lan A chung sống hòa thuận cho đến cuối năm 2023 thì quan hệ vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi nhau do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày. Sau nhiều lần hàn gắn không có kết quả, đến nay tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Lan A ngày càng dạn nứt, tình cảm vợ chồng không còn nên anh đã có đơn

khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan A để hai bên giải phóng cho nhau, mỗi bên tự ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Lan A có ba con chung là: Tạ Đức H, sinh ngày 20/5/2019; Tạ Ngọc T, sinh ngày 17/6/2020 và Tạ Ngọc L, sinh ngày 12/4/2024. Hiện các con chung của anh và chị Lan A đang sinh sống cùng với bà ngoại. Ly hôn, anh và chị Lan A thỏa thuận thống nhất đề nghị Toà án giải quyết giao hai con chung Tạ Đức H và Tạ Ngọc L cho chị Nguyễn Thị Lan A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Tạ Ngọc T cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị Lan A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là chị Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Chị Lan A thống nhất với anh Tạ Văn N về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Chị Nguyễn Thị Lan A có quan điểm đồng ý với yêu cầu ly hôn mà anh Tạ Văn N đưa ra. Chị Nguyễn Thị Lan A thống nhất với lời khai của anh Tạ Văn N về việc vợ chồng có ba con chung là: Tạ Đức H, sinh ngày 20/5/2019; Tạ Ngọc T, sinh ngày 17/6/2020 và Tạ Ngọc L, sinh ngày 12/4/2024. Ly hôn, chị và anh Tạ Văn N đã thống nhất thỏa thuận đề nghị Toà án giải quyết giao hai con chung Tạ Đức H và Tạ Ngọc L cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Tạ Ngọc T cho anh Tạ Văn N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, chị Nguyễn Thị Lan A có cùng có quan điểm với anh Tạ Văn N là hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Tạ Văn N và chị Nguyễn Thị Lan A đều đang ở nước ngoài, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của các đương sự,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Tạ Văn N có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan A. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Tạ Văn N và bị đơn chị Nguyễn Thị Lan A đều là công dân Việt Nam, đều có đăng ký thường trú tại thành phố Hải Phòng,

Việt Nam, hiện đều đang cư trú ở nước ngoài, có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng là cơ quan giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình nêu trên. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên toà, anh Tạ Văn N và chị Nguyễn Thị Lan A đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt anh Tạ Văn N và chị Nguyễn Thị Lan A.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Văn N và chị Nguyễn Thị Lan A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đã được Đ tại Hàn Quốc cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/7/2022. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Tạ Văn N và chị Nguyễn Thị Lan A cùng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, trong quá trình chung sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, không còn yêu thương nhau. Nay, cả hai bên cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên việc anh Tạ Văn N có đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan A là có căn cứ chấp nhận. Xét quan hệ hôn nhân của anh Tạ Văn N và chị Nguyễn Thị Lan A là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của anh Tạ Văn N đối với chị Nguyễn Thị Lan A.

[4] Về con chung: Anh Tạ Văn N và chị Nguyễn Thị Lan A có ba con chung là: Tạ Đức H, sinh ngày 20/5/2019; Tạ Ngọc T, sinh ngày 17/6/2020 và Tạ Ngọc L, sinh ngày 12/4/2024. Anh N và chị Lan A thống nhất thỏa thuận đề nghị Tòa án giải quyết giao hai con chung Tạ Đức H và Tạ Ngọc L cho chị Lan A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Tạ Ngọc T cho anh Tạ Văn N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Xét thỏa thuận của anh N và chị Lan A về việc giao con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh N và chị Lan A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh N và chị Lan A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: A và chị Lan A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Tạ Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tạ Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị Lan A.

2. Về con chung: Giao hai con chung Tạ Đức H, sinh ngày 20/5/2019 và Tạ Ngọc L, sinh ngày 12/4/2024 cho chị Nguyễn Thị Lan A được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao con chung Tạ Ngọc T, sinh ngày 17/6/2020 cho anh Tạ Văn N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh N và chị Lan A không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Tạ Văn N và chị Nguyễn Thị Lan A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Tạ Văn N phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0001272 ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Tạ Văn N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Anh Tạ Văn N và chị Nguyễn Thị Lan A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Khoa

